

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 6022/BYT-KH-TCHà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2018

V/v góp ý dự thảo Nghị định Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp y tế công lập để thay thế Nghị định số 85/2012/NĐ-CP CP.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế;

Thực hiện Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; trong thời gian vừa qua, trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các Bộ/ Ngành, các cơ quan, đơn vị; Bộ Y tế đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ và có Tờ trình số 1024/TTr-BYT ngày 20/9/2017 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, Bộ Y tế hoàn thiện dự thảo Nghị định trên cơ sở đã kế thừa các nội dung quy định tại Nghị định 85/2012/NĐ-CP, Nghị định 16/2015/NĐ-CP, Nghị quyết số 93/2014/NQ-CP, Nghị quyết số 89-NQ/CP của Chính phủ, các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, phù hợp với các quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị quyết số 20-NQ/TW về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW về công tác dân số trong tình hình mới.

Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ, Bộ Y tế xin gửi dự thảo Nghị định để Quý cơ quan đóng góp ý kiến và gửi về Bộ Y tế (Vụ Kế hoạch – Tài chính) **trước ngày 30/10/2018** (gửi theo đường công văn và gửi qua email: pmnga72@yahoo.com.vn hoặc ngapm.khtc@moh.gov.vn) để Bộ Y tế tổng hợp hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Rất mong sự phối hợp của Quý cơ quan, Bộ Y tế trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiến (để b/c);
- Lưu VT, KH-TC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Lê Tuấn**

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

Dự thảo 10/9/2018

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập
thuộc lĩnh vực y tế - dân số**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các nguyên tắc, cơ chế về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản và huy động nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư phát triển của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế - dân số (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc các trường đại học y dược công lập) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản và tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công hoặc phục vụ quản lý nhà nước trong các lĩnh vực chuyên môn y tế - dân số (sau đây gọi tắt là đơn vị sự nghiệp y tế);

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ và tính chất, quy mô và cơ chế hoạt động của các đơn vị cấp dưới thuộc các đơn vị sự nghiệp y tế quy định tại điểm a khoản này để xem xét, quyết định việc áp dụng Nghị định này cho phù hợp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được phân cấp theo quy định của pháp luật).

2. Người có thẩm quyền là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ, cơ quan trung ương) đối với đơn vị sự nghiệp y tế do trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đơn vị sự nghiệp y tế do địa phương quản lý.

3. Cơ quan quản lý cấp trên là cơ quan có thẩm quyền quản lý hành chính, chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị sự nghiệp y tế công lập (các bộ, cơ quan trung ương đối với đơn vị sự nghiệp y tế do trung ương quản lý; Sở Y tế đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý).

4. Hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao là các hoạt động cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; các dịch vụ, sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng từ nguồn ngân sách nhà nước, giao nhiệm vụ và ngân sách cho đơn vị thực hiện; hoạt động khám, chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật bảo hiểm y tế.

5. Hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo yêu cầu là các hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội, các dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước; gồm:

a) Các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh như: khám bệnh theo yêu cầu (bao gồm cả dịch vụ khám bệnh bảo hiểm y tế vào ngày nghỉ, ngày lễ); dịch vụ phòng điều trị theo yêu cầu; các dịch vụ, kỹ thuật y tế với chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân.

b) Các dịch vụ sự nghiệp công khác thuộc lĩnh vực y tế - dân số theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

c) Các dịch vụ phụ trợ khác gắn liền với hoạt động của đơn vị sự nghiệp như: nhà thuốc, giặt, là, ăn, uống, dịch vụ phòng ở cho người nhà, dịch vụ đưa đón người bệnh và các dịch vụ liên quan khác.

6. Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là đơn vị đã tự đầu tư từ các nguồn vốn ngoài ngân sách hoặc được nhà nước đầu tư nhưng từ thời điểm được phân loại và giao tự chủ theo nhóm 1 thì phải tự bảo đảm chi đầu tư, nhà nước không cấp ngân sách để chi đầu tư cho đơn vị, trừ một số trường hợp đặc biệt quy định tại điểm e khoản 1 Điều 30 Nghị định này.

7. Đơn vị hoạt động theo mô hình doanh nghiệp là đơn vị được quản trị và hạch toán như doanh nghiệp.

Điều 3. Quản lý nhà nước về dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế - dân số

1. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế - dân

số sử dụng ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Là các dịch vụ y tế thiết yếu bắt buộc phải thực hiện để dự phòng cho cộng đồng, cho các nhóm đối tượng có nguy cơ cao; quản lý, theo dõi sức khỏe cá nhân và các đối tượng theo luật định; các hoạt động tại cộng đồng để nâng cao sức khỏe nhân dân; phòng, chống các bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm, quản lý bệnh không lây nhiễm; các dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn phục vụ công tác quản lý nhà nước; chăm sóc, nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần, các dịch vụ thuộc lĩnh vực y tế đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước bảo đảm chi phí để thực hiện dịch vụ.

b) Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến y tế cơ sở nhưng không thuộc phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế, không thu hút được khu vực ngoài nhà nước tham gia cung cấp dịch vụ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực y tế - dân số sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải thể hiện rõ các nội dung:

- a) Tên sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước;
- b) Phương thức thực hiện (đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ);
- c) Nguồn tài chính bảo đảm: do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoặc được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi phí và mức bảo đảm;

4. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bảo đảm ngân sách theo phân cấp để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều này.

Điều 4. Phân loại và xây dựng phương án tự chủ

1. Đơn vị sự nghiệp y tế được cơ quan có thẩm quyền quyết định phân loại và giao thực hiện cơ chế tự chủ theo các nhóm sau đây:

- a) Nhóm 1: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;
- b) Nhóm 2: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên;
- c) Nhóm 3: Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên;
- d) Nhóm 4: Đơn vị do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

2. Đơn vị căn cứ vào khả năng thu và điều kiện thực tế để xây dựng phương án tự chủ, trong đó xác định phân loại theo một trong các nhóm quy định tại khoản 1 Điều này, dự kiến lộ trình thực hiện gửi cơ quan quản lý cấp trên quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định này để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ để xây dựng phương án tự chủ:

- a) Chức năng, nhiệm vụ được giao;
- b) Cơ chế giá dịch vụ, phí và lệ phí đơn vị được thực hiện;

c) Mức tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư từ các nguồn thu của đơn vị;

3. Phương án tự chủ của đơn vị phải phân loại, đề xuất nhóm tự chủ đối với từng đơn vị hạch toán độc lập, đơn vị dự toán cấp dưới, các cơ sở thành viên thuộc đơn vị (nếu có) theo nguyên tắc sau:

a) Đơn vị sự nghiệp cấp dưới thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định thành lập hoặc trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp cấp trên: phân loại vào nhóm tự chủ bằng hoặc cao hơn nhóm tự chủ của đơn vị sự nghiệp cấp trên. Riêng các bệnh viện có nhiều cơ sở thì cơ sở thành viên có thể phân loại và giao vào nhóm tự chủ thấp hơn cơ sở chính;

b) Đơn vị sự nghiệp cấp dưới không thuộc cơ cấu tổ chức các đơn vị cấu thành theo quyết định thành lập hoặc trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp cấp trên: phân loại và giao tự chủ nhóm 1: đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 5. Quy trình, thủ tục phê duyệt phương án tự chủ

1. Thủ tục phê duyệt phương án tự chủ:

a) Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án tự chủ của đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên xem xét dự toán thu, chi và dự kiến phân loại đơn vị theo một trong các nhóm quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này, đồng thời dự kiến mức kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên đối với đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4 và gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, thẩm tra, cụ thể:

- Bộ Tài chính: đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc trung ương quản lý;
- Sở Tài chính: đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc địa phương quản lý.

b) Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính có trách nhiệm thẩm tra và trả lời bằng văn bản đối với nội dung của phương án tự chủ.

c) Trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thẩm tra của cơ quan tài chính, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm phối hợp cùng đơn vị hoàn chỉnh lại phương án tự chủ và trình cơ quan có thẩm quyền (Bộ, cơ quan Trung ương đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) quyết định và giao đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo một trong các nhóm quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này.

2. Việc quyết định phân loại và giao đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 được ổn định trong thời gian từ 03 đến 05 năm (theo niên độ ngân sách) theo phương án thu, chi tài chính được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trước ngày 01 tháng 10 của năm cuối thời kỳ ổn định, đơn vị có trách nhiệm xây dựng phương án tự chủ, xác định phân loại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 và Điều này. Trường hợp đơn vị có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc có biến động về nguồn thu hoặc nhiệm vụ chi làm thay đổi cơ bản mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên, đơn vị xây dựng phương án tự chủ để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phân loại đơn vị tự chủ trước thời hạn.

3. Đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phân loại và giao thực hiện cơ chế tự chủ theo nhóm 1 hoặc nhóm 2 thì không được điều chỉnh phân loại sang nhóm 3 hoặc nhóm 4. Trường hợp đặc biệt phải điều chỉnh phân loại từ nhóm 1 sang nhóm 2, hoặc từ nhóm 2 sang nhóm 3 thì phải được người có thẩm quyền xem xét, quyết định bằng văn bản.

Chương II **TỰ CHỦ VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

Điều 6. Tự chủ trong xây dựng kế hoạch hoạt động

1. Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, đơn vị xây dựng và gửi kế hoạch hoạt động để thực hiện nhiệm vụ năm tiếp theo về cơ quan quản lý cấp trên, gồm:

a) Kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao: phải lập chi tiết theo từng lĩnh vực chuyên môn y tế - dân số, phù hợp với quy mô, năng lực, tài sản được nhà nước giao cho đơn vị quản lý, sử dụng.

b) Kế hoạch hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của đơn vị.

2. Bộ Y tế hướng dẫn các nội dung, chỉ tiêu cơ bản trong kế hoạch hoạt động theo từng lĩnh vực chuyên môn y tế - dân số.

Điều 7. Trình tự phê duyệt kế hoạch

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh, dịch vụ: do đơn vị tự xác định và gửi cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

2. Kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch của đơn vị, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch thì đơn vị được phát hành chính thức kế hoạch để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên có đề nghị điều chỉnh kế hoạch thì phải có văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch trong đó phải nêu rõ nội dung cần điều chỉnh, lý do điều chỉnh.

c) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch của cơ quan quản lý cấp trên, đơn vị có trách nhiệm hoàn chỉnh lại kế hoạch và có văn bản gửi lại cơ quan quản lý cấp trên trong đó phải nêu rõ các nội dung đã tiếp thu, các nội dung không tiếp thu và giải trình lý do không tiếp thu.

d) Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên không thống nhất với nội dung giải trình của đơn vị thì trong thời hạn 10 ngày, cơ quan quản lý cấp trên báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị có trách nhiệm hoàn chỉnh lại kế hoạch và phát hành chính thức kế hoạch để tổ chức thực hiện.

3. Kế hoạch hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch của đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch để đơn vị tổ chức thực hiện, trường hợp không đồng ý phê duyệt thì phải có văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch trong đó nêu rõ nội dung cần điều chỉnh, lý do điều chỉnh;

b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh kế hoạch của cơ quan quản lý cấp trên, đơn vị có trách nhiệm hoàn chỉnh lại kế hoạch và có văn bản gửi lại cơ quan quản lý cấp trên trong đó phải nêu rõ các nội dung đã tiếp thu, các nội dung không tiếp thu và giải trình lý do không tiếp thu;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kế hoạch đã điều chỉnh và văn bản tiếp thu, giải trình của đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch. Trường hợp không nhất trí với nội dung tiếp thu, giải trình của đơn vị, cơ quan quản lý cấp trên có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị có trách nhiệm hoàn chỉnh lại kế hoạch và gửi cơ quan quản lý cấp trên để phê duyệt.

Điều 8. Tự chủ về tổ chức thực hiện nhiệm vụ

1. Được quyết định các biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch của đơn vị, kế hoạch được cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt, bảo đảm chất lượng, tiến độ;

2. Tham gia đấu thầu cung ứng các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của đơn vị (kể cả các sản phẩm, dịch vụ do các đơn vị sự nghiệp công lập khác tổ chức đấu thầu);

3. Tổ chức các hoạt động kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỰ CHỦ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 9. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động

1. Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lĩnh vực chuyên môn; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý, Ban giám sát đối với các đơn vị nhóm 1.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn của Bộ Y tế: các đơn vị sự nghiệp y tế xây dựng phương án sắp xếp lại các tổ chức cấu thành để kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị, trên cơ sở đó xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

Điều 10. Tự chủ về tổ chức bộ máy

1. Đơn vị thuộc nhóm 1 được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức trực thuộc khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, sau đó báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

2. Đơn vị thuộc nhóm 2:

a) Đối với các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị đã được phê duyệt trong Quy chế tổ chức và hoạt động: đơn vị được quyền thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức này theo quy định của pháp luật, sau đó báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

b) Đối với các tổ chức ngoài cơ cấu tổ chức của đơn vị đã được phê duyệt tại Quy chế tổ chức và hoạt động: đơn vị được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể khi đáp ứng các tiêu chí, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và phải tự bảo đảm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và các điều kiện làm việc, hoạt động của các tổ chức này theo quy định; báo cáo cơ quan có thẩm quyền trước khi quyết định.

3. Đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4:

a) Đơn vị được quyền thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Đối với các tổ chức không thuộc cơ cấu tổ chức của đơn vị đã được phê duyệt tại Quy chế tổ chức và hoạt động: đơn vị xây dựng đề án, trình cơ quan quản lý cấp trên quyết định.

4. Việc thành lập các bệnh viện thuộc đơn vị sự nghiệp công, kể cả các bệnh viện là cơ sở thuộc bệnh viện công, bệnh viện thuộc các trường đại học y dược công thuộc trung ương quản lý do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định, thuộc địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

5. Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ do đơn vị tự bảo đảm nguồn vốn để thực hiện

a) Trường hợp đơn vị không thành lập cơ sở hạch toán độc lập thì phải sử dụng bộ máy hiện có để quản lý các hoạt động, tổ chức hạch toán theo dõi riêng nhưng phải phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí trên sổ kế toán và báo cáo tài chính của đơn vị, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo quy định.

b) Trường hợp đơn vị thành lập cơ sở hạch toán độc lập: tổ chức bộ máy, phương thức quản lý của cơ sở hạch toán độc lập thuộc đơn vị nhóm 1 do đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật; của cơ sở hạch toán độc lập thuộc đơn vị nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 4 do cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai hình thức sau:

- Đơn vị hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, được quản trị và hạch toán như doanh nghiệp;

- Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, hạch toán độc lập, là đơn vị kế toán cấp dưới, do đơn vị sự nghiệp công trực tiếp quản lý, điều hành.

Mục 2

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ THUỘC NHÓM 1 TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN VÀ CHI ĐẦU TƯ

Điều 11. Mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý và hoạt động

1. Đơn vị không thành lập Hội đồng quản lý, gồm:

- a) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- b) Ban giám sát.

2. Đơn vị có 01 cơ sở và có thành lập Hội đồng quản lý, gồm:

- a) Hội đồng quản lý;
- b) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- c) Ban giám sát.

3. Đơn vị có nhiều cơ sở và có thành lập Hội đồng quản lý, gồm:

- a) Hội đồng quản lý;
- b) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc cơ sở chính;
- c) Giám đốc các đơn vị thành viên;
- d) Ban giám sát.

4. Đơn vị được đề xuất, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định Ban lãnh đạo, điều hành theo một trong hai mô hình sau:

a) Tổng giám đốc và các Giám đốc: mô hình này phải có 01 giám đốc phụ trách chuyên môn, 01 giám đốc phụ trách tài chính;

b) Giám đốc và các Phó giám đốc: mô hình này phải có 01 Phó giám đốc phụ trách chuyên môn, 01 Phó giám đốc phụ trách tài chính.

Tổng giám đốc quy định tại điểm a và Giám đốc quy định tại điểm b khoản này gọi chung là Giám đốc; Giám đốc quy định tại điểm a và Phó giám đốc quy định tại điểm b khoản này gọi chung là Phó giám đốc.

5. Số lượng và vị trí các Phó giám đốc do đơn vị xây dựng và quyết định trong đề án vị trí việc làm.

Điều 12. Số lượng và cơ cấu của Hội đồng quản lý

Số lượng thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản lý do người có thẩm quyền bổ nhiệm Hội đồng quản lý quyết định căn cứ vào quy mô, số lượng người làm việc, nguồn tài chính và tình hình hoạt động thực tế của đơn vị để xem xét, quyết định cho phù hợp, bảo đảm hiệu quả hoạt động, không chồng chéo về bộ máy, số lượng người là số lẻ:

1. Đơn vị có nhiều cơ sở, số lượng không quá 11 người, trong đó:

- a) Chủ tịch hội đồng quản lý;
- b) Giám đốc (trừ trường hợp thuê giám đốc), bí thư đảng ủy (nếu Bí thư đảng ủy là giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý thì 01 Phó bí thư tham gia), chủ tịch công đoàn cơ sở chính;
- c) Giám đốc các cơ sở thành viên (trừ trường hợp thuê giám đốc);

d) 01 thành viên mời là đại diện của cơ quan quản lý cấp trên (các đơn vị thuộc trung ương quản lý do Bộ, cơ quan trung ương cử; các đơn vị thuộc các Tổng Công ty nhà nước do Tổng Công ty cử; các đơn vị thuộc địa phương quản lý do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cử hoặc giao cho Sở Y tế cử);

đ) 01 thành viên đại diện cho các Hội đồng chuyên môn của đơn vị;

e) Các thành viên khác.

2. Đơn vị có 01 cơ sở:

a) Cơ sở khám, chữa bệnh có quy mô dưới 1.000 giường bệnh, cơ sở y tế không phải là cơ sở khám, chữa bệnh có số lượng người làm việc dưới 500 người: số lượng 05 hoặc 07 người, trong đó có:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý;
- Giám đốc đơn vị (trừ trường hợp thuê giám đốc);
- Bí thư đảng ủy (nếu Bí thư đảng ủy là giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý thì 01 Phó bí thư tham gia);
- 01 thành viên đại diện cho các Hội đồng chuyên môn của đơn vị;
- 01 thành viên mời đại diện của cơ quan quản lý cấp trên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;
- Các thành viên khác (nếu có).

b) Cơ sở khám, chữa bệnh có quy mô từ 1.000 giường bệnh trở lên, cơ sở y tế không phải là cơ sở khám, chữa bệnh có số lượng người làm việc từ 500 người trở lên: số lượng từ 07 đến 11 người, trong đó có:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý;
- Giám đốc đơn vị (trừ trường hợp thuê giám đốc);
- Bí thư đảng ủy (nếu Bí thư đảng ủy là giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản lý thì 01 Phó bí thư tham gia);
- 01 thành viên đại diện cho các Hội đồng chuyên môn của đơn vị;
- 01 thành viên mời đại diện của cơ quan quản lý cấp trên theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;
- Các thành viên khác của Hội đồng quản lý.

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản lý

1. Là công chức, viên chức của đơn vị (trừ thành viên là đại diện cơ quan quản lý cấp trên).

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có trình độ chuyên môn phù hợp và có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công tác đó tối thiểu 5 năm; có năng lực và kinh nghiệm quản lý; am hiểu về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của đơn vị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giám đốc hoặc viện trưởng của đơn vị sự nghiệp y tế do Bộ Y tế quy định.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý không được kiêm nhiệm làm giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng của đơn vị. Trường hợp đặc biệt Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm giám đốc thì phải được Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý, các thành viên Hội đồng quản lý của đơn vị không là vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, anh chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng đơn vị.

6. Các tiêu chuẩn khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị (nếu có).

Điều 14. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng và nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý của đơn vị thuộc trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý của đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Nhiệm kỳ của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản lý là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp tại 01 đơn vị sự nghiệp y tế công lập.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về bổ nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo đơn vị sự nghiệp công và quy định sau.

a) Đề án thành lập, dự kiến nhân sự bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý nhiệm kỳ thứ nhất do Đảng ủy và Ban Giám đốc đơn vị, giám đốc cơ sở thành viên (đối với các đơn vị có nhiều cơ sở thành viên) xây dựng. Từ nhiệm kỳ thứ hai trở đi do Hội đồng quản lý nhiệm kỳ trước xây dựng báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Người có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện việc bổ nhiệm theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

b) Trong nhiệm kỳ có bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản lý thì Hội đồng quản lý xem xét, đề xuất người có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm.

Điều 15. Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể; họp thường kỳ 03 tháng 1 lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 16 Nghị định này. Đối với những vấn đề không nhất thiết phải thảo luận tại cuộc họp thì Chủ tịch Hội đồng quản lý gửi văn bản lấy ý kiến từng thành viên Hội đồng quản lý. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách khi Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý đề nghị. Cuộc họp Hội đồng quản lý được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản lý tham dự. Các quyết định của Hội đồng quản lý phải thể hiện bằng nghị quyết và được thông qua khi có trên 50% thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết tán thành hoặc bỏ phiếu kín đồng ý.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý do người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

3. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý

1. Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

a) Phê duyệt Kế hoạch hoạt động chuyên môn hàng năm, 5 năm của đơn vị, gồm kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kế hoạch hoạt động kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội, các giải pháp, biện pháp để thực hiện các kế hoạch này;

b) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Quy hoạch phát triển đơn vị cho 10 năm và định hướng cho 20 năm sau;

c) Quyết định về định hướng phát triển chuyên môn, khoa học, công nghệ nhưng phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được phê duyệt trong Quy chế tổ chức và hoạt động, theo các quy định của pháp luật.

2. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị cấu thành trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị để trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt;

b) Ban hành Nghị quyết về thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức cấu thành đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định này; Nghị quyết về tổ chức bộ máy, phương thức quản lý để thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này;

c) Trình cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị.

3. Nhân sự

a) Hội đồng quản lý bầu 01 thành viên của Hội đồng quản lý (không là Chủ tịch Hội đồng quản lý) làm Giám đốc (trừ trường hợp thuê giám đốc). Căn cứ kết quả bầu Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm giám đốc.

Người được bổ nhiệm làm Giám đốc đơn vị phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giám đốc hoặc viện trưởng của đơn vị sự nghiệp y tế theo quy định.

b) Hội đồng quản lý thống nhất đề Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc quyết định người làm phụ trách kế toán theo đề nghị của Giám đốc.

Trường hợp Giám đốc đơn vị là người được đào tạo về chuyên môn y tế thì phải có 01 Phó Giám đốc có kinh nghiệm về quản lý kinh tế và được đào tạo hoặc đã có văn bằng, chứng chỉ đào tạo về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, quản trị bệnh viện.

c) Hội đồng quản lý thống nhất đề Chủ tịch Hội đồng quản lý miễn nhiệm, cách chức giám đốc hoặc chấm dứt hợp đồng thuê giám đốc (trong trường hợp

thuê giám đốc). Miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng thuê phó giám đốc hoặc khen thưởng, kỷ luật các phó giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán của đơn vị theo đề nghị của giám đốc đơn vị.

d) Phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị, quyết định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của đơn vị; kế hoạch tuyển dụng hàng năm; định hướng đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động của đơn vị để Giám đốc tổ chức thực hiện;

4. Tài chính, đầu tư và quản lý, sử dụng tài sản công

a) Quyết định việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của đơn vị (đối với đơn vị nhóm 1). Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công (đầu tư, mua sắm, thuê, cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết, xử lý tài sản...) theo thẩm quyền quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Tổ chức thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thẩm định chủ trương và hiệu quả đầu tư các dự án nhóm A, nhóm B, báo cáo người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 31 Nghị định này. Quyết định chủ trương, phê duyệt các dự án đầu tư nhóm C thuộc danh mục các dự án đã được người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Quyết định kế hoạch tài chính, gồm dự toán thu, dự toán chi hàng năm của đơn vị;

d) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua thuốc, mua sắm để bảo đảm hoạt động thường xuyên của đơn vị (trừ các loại thuốc, hàng hóa, tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung, thuốc thuộc danh mục đàm phán giá); các gói thầu thuộc các dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị;

đ) Trình cấp có thẩm quyền quyết định:

- Danh mục các dự án và nguồn vốn đầu tư của từng dự án đối với các đơn vị thuộc nhóm 1. Trường hợp đơn vị không thuộc nhóm 1 nhưng có thành lập Hội đồng quản lý thì Hội đồng quản lý thông qua chủ trương và trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng;

- Các đề án liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định này; các Dự án đầu tư do cơ quan có thẩm quyền giao cho đơn vị đề xuất dự án theo quy định của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

e) Hội đồng quản lý thống nhất để Giám đốc đơn vị quyết định ban hành theo thẩm quyền:

- Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, trong đó bao gồm chi thù lao cho Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, quy chế trích lập, tạm trích các quỹ, quy chế chi trả thu nhập tăng thêm;

- Mức giá của các dịch vụ do đơn vị được quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý, các quy chế của đơn vị.

6. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị báo cáo về các hoạt động của đơn vị và tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp về các hoạt động của đơn vị.

7. Phê duyệt kế hoạch tự kiểm tra công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý được sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thay mặt các thành viên Hội đồng quản lý nhận vốn, tài sản nhà nước giao cho đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động hàng quý, hàng năm của Hội đồng quản lý;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập, chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý;

d) Chỉ đạo Giám đốc đơn vị tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý, của cơ quan quản lý cấp trên;

đ) Tổ chức giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị, kết quả quản lý điều hành của Giám đốc đơn vị, đình chỉ quyết định của Giám đốc đơn vị nếu trái với Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý, với các quy định của pháp luật, công khai, minh bạch các thông tin theo quy định của pháp luật;

e) Ủy quyền cho một trong số các thành viên của Hội đồng quản lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý khi Chủ tịch Hội đồng quản lý vắng mặt. Thay mặt Hội đồng quản lý hoặc ủy quyền cho thành viên của Hội đồng quản lý ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý;

g) Thay mặt Hội đồng quản lý ký hợp đồng với người được thuê làm Giám đốc đơn vị, quyết định bổ nhiệm Giám đốc đơn vị, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc Phụ trách kế toán của đơn vị.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc

1. Giám đốc là người đứng đầu đơn vị, là chủ tài khoản của đơn vị, có nhiệm vụ tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý; tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước.

2. Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

a) Tổ chức xây dựng quy hoạch phát triển đơn vị cho 10 năm và định hướng cho 20 năm sau trình Hội đồng quản lý thông qua để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động, đầu tư hằng năm, 5 năm, kế hoạch phát triển kỹ thuật, khoa học, công nghệ, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực để trình Hội đồng quản lý thông qua và tổ chức thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản lý.

3. Về tổ chức bộ máy

a) Xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các đơn vị cấu thành trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị; nghiên cứu đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp để báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, trình người có thẩm quyền quyết định;

b) Chuẩn bị các đề án về thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức thuộc đơn vị trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản lý.

4. Về nhân sự

a) Đề xuất các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán để Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm;

b) Xây dựng Đề án vị trí việc làm và số lượng người làm việc; kế hoạch phát triển đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; số lượng, cơ cấu tuyển dụng và kế hoạch tuyển dụng của đơn vị trình Hội đồng quản lý quyết định và tổ chức thực hiện các kế hoạch đã được Hội đồng quản lý quyết định.

c) Quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý cấp khoa, phòng, trung tâm và các đơn vị trực thuộc theo phân cấp;

d) Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với viên chức và người lao động trong đơn vị;

5. Về tài chính

a) Xây dựng dự toán thu, chi hàng năm của đơn vị và tổ chức thực hiện dự toán thu, chi sau khi được Hội đồng quản lý thông qua theo đúng quy định;

b) Xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, xây dựng và đề xuất mức giá của các dịch vụ do đơn vị được quyền quyết định mức thu, xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định về quản lý tài chính, tài sản của đơn vị và ban hành, tổ chức thực hiện sau khi được Hội đồng quản lý thông qua;

c) Xây dựng các Đề án vay vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, góp vốn đầu tư ngoài đơn vị trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư; tổ chức đấu thầu các gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được Hội đồng quản lý phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật;

đ) Ký các hợp đồng mua, bán, hợp đồng cung ứng dịch vụ với các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo quy định của pháp luật;

e) Phân cấp, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho các Phó Giám đốc trong việc quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các Phó Giám đốc;

g) Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính trình Hội đồng quản lý phê duyệt và thực hiện tự kiểm tra tài chính theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm khác của người đứng đầu đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với Giám đốc và cơ quan quản lý cấp trên

1. Giám đốc là người tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý;

2. Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc.

3. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị trước cơ quan quản lý cấp trên;

c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

Điều 20. Ban giám sát

1. Các đơn vị nhóm 1; đơn vị không thuộc nhóm 1 có thành lập Hội đồng quản lý đều phải thành lập Ban giám sát:

a) Ban giám sát có từ 03 đến 07 giám sát viên, gồm 01 Trưởng ban và các giám sát viên, có nhiệm kỳ là 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm là giám sát viên của 01 đơn vị sự nghiệp không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp;

b) Thành viên của Ban giám sát là viên chức của đơn vị, được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 năm (Trưởng Ban kiểm soát có ít nhất 05 năm) kinh nghiệm làm việc;

c) Trưởng ban giám sát và các thành viên của Ban giám sát do Đại hội công nhân viên chức của đơn vị bầu nhưng không phải là thành viên của Hội đồng quản lý, không được là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng của đơn vị.

d) Căn cứ kết quả bầu Trưởng ban giám sát và thành viên Ban giám sát, Chủ tịch Hội đồng quản lý, giám đốc đối với đơn vị không thành lập Hội đồng quản lý trình người có thẩm quyền xem xét, phê chuẩn.

đ) Các quyết định của Ban giám sát được thông qua khi có trên 50% số thành viên Ban giám sát biểu quyết tán thành hoặc bỏ phiếu kín đồng ý.

e) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban giám sát đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban giám sát đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý.

2. Ban giám sát và các giám sát viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây

a) Tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, vay vốn, liên doanh, liên kết, thuê tài sản, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, kết hợp công – tư, kết hợp giữa các cơ sở y tế công để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu xã hội.

b) Giám sát hoạt động của đơn vị theo đúng các chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị, giám sát và kiểm soát nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của đơn vị; không tham gia vào hoạt động quản lý hàng ngày của đơn vị.

c) Giám sát, chất vấn Hội đồng quản lý, các thành viên của Hội đồng quản lý, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, kế toán trưởng đơn vị về việc quyết định, tổ chức thực hiện chiến lược, các kế hoạch phát triển, dự án đầu tư, mua sắm và các quyết định khác trong quản lý điều hành đơn vị;

d) Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản lý, người đứng đầu và những người quản lý khác ở đơn vị. Trường hợp phát hiện có thành viên của Hội đồng quản lý, người đứng đầu và những người quản lý khác ở đơn vị làm trái hoặc có nguy cơ làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm được giao; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, các quy chế, điều lệ của đơn vị thì phải báo cáo ngay cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị;

đ) Giám sát, xem xét, đánh giá việc thực hiện các quy định về quản lý ngân sách, tài chính, kế toán, các báo cáo tài chính, các hợp đồng kinh tế, kiểm toán nội bộ, việc tự kiểm tra về tài chính; xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động, tài chính của đơn vị;

e) Giám sát việc thực hiện các quy chế của đơn vị, việc thực hiện các quy định về đấu thầu, triển khai các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị của đơn vị;

g) Lập và gửi các báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung giám sát cho cơ quan quản lý cấp trên và Hội đồng quản lý của đơn vị;

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị.

Điều 21. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát đối với các đơn vị sự nghiệp y tế không thuộc nhóm 1

1. Căn cứ vào điều kiện cụ thể và yêu cầu quản lý, trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát đối với các đơn vị sự nghiệp y tế không thuộc nhóm 1.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát tại các đơn vị sự nghiệp công lập này thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định này.

Chương IV **TỰ CHỦ VỀ NHÂN SỰ**

Điều 22. Đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc

1. Đơn vị xây dựng Đề án vị trí việc làm, xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2 (bao gồm cả đơn vị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định này được phân loại là đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2): được quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở bảo đảm các điều kiện và việc làm ổn định, thu nhập cho người lao động. Số lượng người làm việc tại các đơn vị này không nằm trong *tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao cho Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật.*

3. Đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị thuộc trung ương quản lý; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của đơn vị thuộc địa phương quản lý.

b) Số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm của đơn vị gồm: số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao tại điểm a khoản này (*trong tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao cho Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật*) và số lượng người làm việc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, do đơn vị tự bảo đảm nguồn trả lương.

c) Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền giao được xác định bằng tỷ lệ (%) quỹ tiền lương do ngân sách nhà nước bảo đảm nhân (X) với số lượng người làm việc của đơn vị (hoặc bằng quỹ tiền lương do ngân sách nhà nước bảo đảm chia (:) cho mức tiền lương bình quân của người làm việc tại đơn vị). Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện các giải pháp để giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền giao theo lộ trình.

d) Đơn vị được quyết định số lượng người làm việc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước và phải sử dụng nguồn thu để chi trả tiền lương và bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định cho số người này.

đ) Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao của các

đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4 nhưng được chuyển sang nhóm 1, nhóm 2 để giao cho các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc nhóm 3, nhóm 4 khác có nhu cầu sau khi hoàn thành chỉ tiêu giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực y tế của Bộ, địa phương.

e) Trường hợp đơn vị chưa được người có thẩm quyền phê duyệt Đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức thì số lượng người làm việc được xác định tạm thời trên cơ sở số lượng biên chế được giao bình quân của 05 năm trước liền kề.

4. Bộ Y tế thống nhất với Bộ Nội vụ để quy định khung số lượng viên chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với từng lĩnh vực chuyên môn y tế; phù hợp với lộ trình bảo đảm nhân lực thực hiện chăm sóc toàn diện trong các cơ sở khám, chữa bệnh. Đơn vị phải có trách nhiệm bảo đảm cơ cấu, số lượng viên chức cần có ít nhất theo quy định của cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

Điều 23. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

1. Căn cứ vào số lượng người làm việc được quyết định theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; căn cứ nhu cầu nhân lực và quỹ tiền lương của đơn vị, hằng năm đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trong đó nêu rõ yêu cầu về số lượng, chất lượng, cơ cấu viên chức cần phải tuyển dụng của từng tổ chức trực thuộc.

a) Đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2: kế hoạch tuyển dụng do đơn vị quyết định, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát.

b) Đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4: kế hoạch tuyển dụng do cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

2. Đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức; quyết định tuyển dụng viên chức theo thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy định của pháp luật về viên chức và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp đặc biệt, đơn vị không đủ điều kiện để thực hiện việc tuyển dụng thì phải báo cáo cơ quan quản lý cấp trên thực hiện việc tuyển dụng;

3. Giám đốc đơn vị được bổ nhiệm viên chức vào chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng II và tương đương trở xuống; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quản lý viên chức theo thẩm quyền phân cấp và theo quy định của pháp luật về viên chức; được ký hợp đồng làm việc đối với người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc đơn vị được:

a) Ký hợp đồng thuê, khoán đối với những công việc đã xác định trong đề án vị trí việc làm theo quy định tại Điều 22 Nghị định này nhưng không cần bố trí lao động thường xuyên;

b) Ký hợp đồng lao động để thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội từ nguồn thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ;

c) Ký hợp đồng lao động và các hình thức hợp tác khác với chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu chuyên môn nhưng phải phù hợp với khả năng tài chính của đơn vị.

4. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công được cử công chức, viên chức làm việc tại bệnh viện tư nhân theo Đề án được cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm

1. Giám đốc đơn vị được bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức cấu thành đơn vị. Trình tự, thủ tục, điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Số lượng cán bộ lãnh đạo của các tổ chức cấu thành đơn vị nhóm 1 do giám đốc đơn vị quyết định (đơn vị nhóm 1 có thành lập Hội đồng quản lý do Hội đồng quản lý quyết định). Đối với các đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 4 thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương V

TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ GIÁ, PHÍ DỊCH VỤ

Điều 25. Thẩm quyền quy định giá, phí dịch vụ y tế (trừ giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh)

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá tối đa đối với dịch vụ kiểm dịch y tế, dịch vụ y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập; các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành sử dụng ngân sách trung ương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ.

2. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định

a) Giá dịch vụ tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch theo quy định của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng; giá dịch vụ khám sức khỏe, điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

b) Giá cụ thể đối với dịch vụ y tế dự phòng, kiểm dịch y tế tại các cơ sở y tế công lập; dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc dùng cho người sử dụng ngân sách nhà nước;

c) Giá cụ thể đối với các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành sử dụng ngân sách trung ương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ.

d) Giá tối đa dịch vụ điều chế máu và các chế phẩm máu.

3. Lộ trình tính giá các dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Các dịch vụ thuộc danh mục phí quy định tại Luật phí: đơn vị thực hiện theo mức thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định giá cụ thể hàng hóa, dịch vụ mà nhà nước quy định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan;

6. Các sản phẩm, dịch vụ khác tại cơ sở y tế công lập:

a) Trường hợp thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ nhà nước định giá thì thực hiện theo giá Nhà nước quy định.

b) Trường hợp không thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ nhà nước định giá; các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước: đơn vị được quyết định mức giá theo cơ chế thị trường, bảo đảm bù đắp chi phí hợp lý, có tích lũy, đơn vị có trách nhiệm niêm yết giá, kê khai giá theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 26. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

1. Năm 2018: bao gồm chi phí trực tiếp, tiền lương

a) Chi phí trực tiếp:

- Tiền thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế để thực hiện dịch vụ (bao gồm cả chi phí bảo quản, hao hụt theo quy định).

- Tiền điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, kiểm soát nhiễm khuẩn trực tiếp để thực hiện dịch vụ.

- Duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ trực tiếp sử dụng để thực hiện các dịch vụ.

- Chi phí trực tiếp khác như: chi phí kiểm chuẩn, kiểm định, hiệu chỉnh các trang thiết bị, dụng cụ trực tiếp,

b) Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo chế độ của công chức, viên chức và người lao động bao gồm cả lao động trực tiếp và gián tiếp theo mức lương cơ sở quy định tại Nghị định số 66/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Riêng một số khoản phụ cấp chỉ áp dụng cho một số đối tượng, vùng, khu vực theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: giao Bộ Y tế thống nhất với Bộ Tài chính quy định các khoản phụ cấp không tính trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mà do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Năm 2019: bao gồm chi phí trực tiếp, tiền lương và chi phí quản lý

a) Chi phí trực tiếp: theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Tiền lương:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được tính theo mức lương cơ sở do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ.

- Chi phí nhân công thuê ngoài (nếu có). Chi phí đặc thù tối đa không quá 50% chi phí tiền lương của dịch vụ để chi trả thù lao, khuyến khích, thu hút các chuyên gia, thầy thuốc giỏi làm việc tại đơn vị.

c) Chi phí quản lý bao gồm: chi phí của các bộ phận quản lý, phục vụ, gián tiếp; chi phí về ứng dụng công nghệ thông tin; chi phí đào tạo, nghiên cứu khoa học để ứng dụng, tiếp nhận và triển khai các kỹ thuật y tế và các chi phí hợp pháp khác để vận hành, bảo đảm hoạt động bình thường của đơn vị, chi phí mua bảo hiểm trách nhiệm trong khám, chữa bệnh...

3. Năm 2020: Tính đủ chi phí theo quy định tại Khoản 2 Điều này và khấu hao tài sản cố định theo chế độ áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước.

4. Chi phí về tiền lương được tính theo nguyên tắc sau:

a) Đối với những dịch vụ có đơn giá tiền lương trong đơn giá của dịch vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì được tính theo đơn giá tiền lương đã được phê duyệt.

b) Đối với những dịch vụ chưa quy định đơn giá tiền lương trong đơn giá của dịch vụ thì chi phí tiền lương được xác định theo định mức lao động trung bình tiên tiến và mức tiền lương bình quân (theo lương chức vụ lãnh đạo và lương chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức).

c) Bộ Y tế chủ trì, thống nhất với Bộ Lao động Thương binh và xã hội, Bộ Tài chính để quy định đơn giá tiền lương trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và các dịch vụ thanh toán từ ngân sách nhà nước.

5. Giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu; các dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước; không thanh toán từ quỹ bảo hiểm y tế; các dịch vụ, kỹ thuật sử dụng tài sản từ nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết, đầu tư theo hình thức đối tác công tư; các đơn vị thuộc nhóm 1: được tính đủ các chi phí theo quy định tại Khoản 3 Điều này và có tích lũy hợp lý (tối đa không quá 10% tổng chi phí của dịch vụ) để đầu tư phát triển. Trường hợp vay vốn, huy động vốn để đầu tư, mua sắm trang thiết bị được tính và phân bổ chi phí lãi vay vào chi phí của các dịch vụ sử dụng nguồn vốn này.

6. Căn cứ vào tình hình thực tế, các đơn vị sự nghiệp y tế được thực hiện trước lộ trình quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 27. Thẩm quyền định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

1. Bộ trưởng Bộ Y tế quy định sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thống nhất giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc;

b) Mức tối đa khung giá của các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định này trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước. Các đơn vị được quyết định mức giá cụ thể đối với các dịch vụ này nhưng không được vượt quá mức tối đa do Bộ Y tế quy định.

2. Các cơ sở y tế dự phòng có thực hiện các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thì được áp dụng mức giá quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động theo mô hình doanh nghiệp được quyền quyết định mức giá.

4. Giá các dịch vụ khám, chữa bệnh do nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ thực hiện theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền về đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Các đơn vị phải niêm yết, kê khai giá theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 28. Nguyên tắc, căn cứ định giá dịch vụ y tế

1. Nguyên tắc định giá chung

a) Bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý thực hiện dịch vụ theo quy trình chuyên môn kỹ thuật do Bộ Y tế quy định gắn với chất lượng dịch vụ, phù hợp với chế độ chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cấp có thẩm quyền ban hành.

b) Giá dịch vụ y tế được xem xét điều chỉnh trong trường hợp:

- Thay đổi định mức kinh tế kỹ thuật;
- Nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương;
- Khi yếu tố hình thành giá thay đổi.

2. Căn cứ định giá chung

- a) Chi phí thực hiện dịch vụ;
- b) Lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ;
- c) Quan hệ cung cầu, giá thị trường;
- d) Điều kiện kinh tế - xã hội và chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ;
- e) Khả năng thanh toán của người bệnh, của quỹ bảo hiểm y tế đối với giá dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

3. Bộ Y tế chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp định giá và quản lý giá dịch vụ y tế.

Mục 2

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI ĐẦU TƯ

Điều 29. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí;

2. Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí (nếu có);

3. Nguồn thu từ các hoạt động khác (nếu có), gồm: tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

4. Vốn vay tín dụng đầu tư của Ngân hàng phát triển Việt Nam. Vốn vay ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật. Vốn vay của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị theo phương thức

trả lãi suất cố định với lãi suất thỏa thuận theo quy định của Bộ luật Dân sự và các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có

5. Nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện các Dự án liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư.

6. Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật (bao gồm cả vốn đối ứng).

7. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên (nếu có), gồm:

a) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ);

b) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh (đối với các đơn vị không phải là đơn vị y tế dự phòng).

c) Kinh phí triển khai nhiệm vụ chỉ đạo tuyến, thực hiện đề án bệnh viện vệ tinh, thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề.

d) Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu y tế - dân số và các chương trình, dự án, đề án khác.

đ) Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác (thực hiện nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên theo quyết định của cấp có thẩm quyền; các nhiệm vụ được giao hoặc đặt hàng không thường xuyên như điều tra, quy hoạch, khảo sát,...).

Điều 30. Sử dụng nguồn tài chính

1. Chi đầu tư từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay, liên doanh, liên kết và các nguồn tài chính hợp pháp khác: Căn cứ nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn tài chính, đơn vị chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư.

a) Đối với các dự án thuộc nhóm A, nhóm B: Người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

b) Đối với các dự án thuộc nhóm C: Người có thẩm quyền phê duyệt danh mục dự án.

c) Căn cứ vào chủ trương đầu tư, danh mục dự án được phê duyệt theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm thẩm định, phê duyệt dự án theo trình tự, thủ tục của pháp luật về xây dựng, về đầu tư công.

d) Đơn vị phải tổng hợp báo cáo Bộ, cơ quan trung ương (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý) để bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

e) Các đơn vị đang được nhà nước bố trí vốn để thực hiện các dự án đầu tư theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì tiếp tục được ngân sách nhà nước bố trí vốn theo kế hoạch để thực hiện dự án. Hoặc khi cần khuyến khích phát triển kỹ

thuật, công nghệ mới, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đơn vị tham gia thực hiện và hỗ trợ vốn đầu tư theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

a) Chi tiền lương: Đơn vị được xác định quỹ tiền lương theo doanh thu hoặc quỹ lương khoán trong chi phí hợp lệ để tính thuế thu nhập và được quyền quyết định chi trả tiền lương, thu nhập tăng thêm theo kết quả hoạt động. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung).

Đối với các thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám sát là công chức, viên chức của đơn vị thì được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm, tiền thưởng và các phúc lợi khác theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Các thành viên không là công chức, viên chức của đơn vị được chi trả thù lao theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý

- Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp trong quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Căn cứ tính chất công việc, thủ trưởng đơn vị được quyền quyết định phương thức khoán chi phí cho từng bộ phận, đơn vị trực thuộc nhằm sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

c) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định. Số thu khấu hao tài sản cố định được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng, thuê, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn. Số thu khấu hao của các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, vốn huy động được sử dụng để chi trả gốc tiền vay, lãi vay theo các hợp đồng vay vốn, huy động vốn;

3. Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định này, không được sử dụng để tính chênh lệch thu chi và trích lập các Quỹ.

4. Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

Điều 31. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên, đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- a) Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- b) Trích lập Quỹ dự phòng thu nhập;
- c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 03 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;
- d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật (đối với đơn vị làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh trích lập Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh);
- đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Sử dụng các Quỹ

a) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chi trả tiền thuê tài sản, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị; góp vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có).

b) Quỹ dự phòng thu nhập: để dự phòng chi bổ sung thu nhập cho người lao động năm sau trong trường hợp nguồn chi thu nhập bị giảm.

c) Quỹ khen thưởng: để thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị. Mức thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

d) Quỹ phúc lợi: để xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho người lao động thực hiện tinh giản biên chế.

đ) Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh: để hỗ trợ người nghèo, các đối tượng chính sách xã hội có chi phí điều trị lớn, người bệnh không có khả năng chi trả. Các đơn vị căn cứ vào khả năng của quỹ để xây dựng quy chế hỗ trợ, bảo đảm công khai, minh bạch.

3. Mức trích cụ thể các quỹ trong năm, mức tạm trích các quỹ hàng quý quy định tại Khoản 1 Điều này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Mục 3

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYỀN

Điều 32. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn tài chính cho các hoạt động thường xuyên

a) Nguồn thu từ hoạt động cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công;

b) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí (được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng thường xuyên);

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên phục vụ công tác thu phí, lệ phí theo quy định);

d) Nguồn thu từ các hoạt động khác (nếu có), gồm: tiền lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi tiền gửi ngân hàng; nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên:

a) Nguồn kinh phí quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định này (nếu có).

b) Kinh phí thực hiện các dự án vốn vay, viện trợ, tài trợ (bao gồm cả vốn đối ứng).

3. Nguồn tài chính chi đầu tư, gồm:

a) Vốn đầu tư phát triển; kinh phí thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn vốn quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 29 Nghị định này.

Điều 33. Sử dụng nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này để chi thường xuyên theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

2. Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này;

3. Chi đầu tư phát triển

a) Đối với nguồn vốn đầu tư quy định tại điểm a khoản 3 Điều 32 Nghị định này: Đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo dự án đã được phê duyệt và các quy định hiện hành;

b) Đối với nguồn tài chính quy định tại điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

- Trường hợp sử dụng để mua sắm tài sản: đơn vị được quyết định danh mục mua sắm đối với các tài sản theo phân cấp của cơ quan có thẩm quyền;

- Trường hợp sử dụng để đầu tư cơ sở hạ tầng: đơn vị xây dựng dự án và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

- Trường hợp sử dụng để liên doanh, liên kết: đơn vị có trách nhiệm xây dựng đề án sử dụng tài sản để liên doanh, liên kết, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định.

3. Phân phối và sử dụng kết quả tài chính trong năm theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

Mục 4

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 34. Nguồn tài chính chi hoạt động thường xuyên của đơn vị

1. Các nguồn tài chính theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này.

2. Ngân sách nhà nước bảo đảm đối với các trung tâm y tế tuyến huyện đa chức năng, các cơ sở làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh.

a) Hỗ trợ phần chi phí chưa tính đúng, tính đủ trong giá, phí dịch vụ, kể cả giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo lộ trình thực tế thực hiện.

b) Trường hợp giá, phí dịch vụ, kể cả giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã tính đủ các chi phí, trong đó có tiền lương nhưng do số lượng dịch vụ thấp, nguồn thu của đơn vị không bảo đảm chi hoạt động thường xuyên: cấp có thẩm quyền tiếp tục phân loại và giao vào nhóm tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, ngân sách nhà nước bảo đảm phần kinh phí hoạt động thường xuyên mà nguồn thu qua giá, phí dịch vụ chưa bù đắp được theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

b) Đối với các đơn vị làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần: Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị theo cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trên cơ sở số lượng đối tượng và đơn giá khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng của các đối tượng được cung cấp dịch vụ.

Bộ Y tế căn cứ giá tối đa do Bộ Tài chính ban hành để quy định giá cụ thể khám bệnh, chữa bệnh và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần sử dụng ngân sách trung ương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định giá khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về giá.

c) Các hoạt động đặc thù theo phê duyệt của cơ quan, người có thẩm quyền.

3. Ngân sách nhà nước bảo đảm để thực hiện các hoạt động y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, các hoạt động của trạm y tế xã, phường, thị trấn theo quy định sau:

a) Chi cho con người: Được xác định trên cơ sở số lượng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện các nhiệm vụ: dự phòng, nâng cao sức khỏe, dân số, an toàn thực phẩm, tại trạm y tế cấp xã; tiền lương tính theo lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập; được điều chỉnh trong trường hợp nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương hoặc điều chỉnh số lượng vị trí việc làm của đơn vị.

Trường hợp đơn vị có thu phí, thực hiện các dịch vụ y tế mà giá dịch vụ bao gồm cả tiền lương: đơn vị sử dụng 50% nguồn tiền lương thu được để làm nguồn cải cách chính sách tiền lương, sử dụng để chi trả tiền lương theo chế độ do nhà

nước quy định; 50% còn lại sử dụng để chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động.

b) Các chi phí để vận hành và bảo đảm hoạt động thường xuyên của đơn vị theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành như: Chi thanh toán dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin, tuyên truyền, liên lạc, chi hội nghị, công tác phí, chi phí thuê mướn, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, chi phí nghiệp vụ chuyên môn để thanh tra, kiểm tra, giám sát tình hình bệnh dịch; chi phí thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi và quản lý sức khỏe theo từng người dân trên địa bàn và các khoản chi khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

c) Chi thực hiện các biện pháp để chủ động phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn giao cho đơn vị phụ trách.

d) Các khoản kinh phí quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này được tính, phân bổ và giao cho đơn vị theo một trong các phương thức sau:

- Phân bổ trên cơ sở số lượng vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền giao hoặc phân bổ theo dân số trên địa bàn có tính đến mô hình dịch bệnh, điều kiện tự nhiên của địa bàn đơn vị phụ trách và định mức chi bình quân đối với từng loại hình đơn vị;

- Xây dựng các gói dịch vụ, giá của từng gói dịch vụ và thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công theo các gói dịch vụ giao cho đơn vị thực hiện. Trường hợp nguồn thu từ cung ứng dịch vụ không đủ bù đắp chi phí thực hiện dịch vụ, ngân sách nhà nước bảo đảm phần kinh phí hoạt động thường xuyên mà nguồn thu qua giá dịch vụ chưa bù đắp theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành

Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể nội dung này. Trong khi chờ hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương ban hành định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định định mức phân bổ ngân sách theo đầu dân hoặc theo số lượng vị trí việc làm và các hoạt động chuyên môn đặc thù, làm căn cứ phân bổ và giao dự toán hàng năm cho các đơn vị.

4. Đối với các đơn vị sự nghiệp y tế làm nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ chuyên ngành đặc thù như: kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm, trang thiết y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản; truyền thông giáo dục sức khỏe; giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, giám định y khoa:

Ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên đối với các nhiệm vụ do nhà nước giao theo cơ chế giao dự toán trên cơ sở số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và định mức phân bổ ngân sách đối với đơn vị theo từng loại hình hoặc theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo mức giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định và số lượng dịch vụ cung cấp.

Trường hợp đơn vị có thu phí, thực hiện cung ứng các dịch vụ y tế: tiền lương của số người làm việc để thực hiện nhiệm vụ này được bảo đảm từ nguồn thu phí, giá dịch vụ y tế theo quy định của pháp luật, trường hợp số thu tiền lương theo mức đã kết cấu trong phí, giá dịch vụ không bảo đảm chi trả tiền lương theo chế độ quy định thì được ngân sách nhà nước cấp bù phần còn thiếu để bảo đảm đủ chế độ cho người lao động.

Điều 35. Nguồn tài chính chi không thường xuyên

1. Ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.

2. Nguồn tài chính chi đầu tư phát triển theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

Điều 36. Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại Điều 34 Nghị định này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

a) Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công.

Các đơn vị phải sử dụng một phần nguồn thu, tiết kiệm chi thường xuyên từ nguồn ngân sách tăng thêm hàng năm theo quy định để làm nguồn cải cách chính sách tiền lương. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định; trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

b) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng nguồn tài chính, đơn vị được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 37. Phân phối kết quả tài chính trong năm

1. Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

a) Trích tối thiểu 15% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;

d) Trích lập Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh đối với các đơn vị có làm nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh;

đ) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

e) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

2. Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ thực hiện trong năm, đơn vị được quyết định sử dụng theo trình tự sau: Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ khác (nếu có).

3. Mức trích cụ thể trong năm, mức tạm trích các quỹ hàng quý và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị. Nội dung chi từ các quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

Mục 5

TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ DO NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

Điều 38. Nguồn tài chính của đơn vị

1. Nguồn tài chính chi thường xuyên quy định tại Điều 34 Nghị định này;

2. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên quy định tại Điều 35 Nghị định này.

Điều 39. Nội dung chi của đơn vị

1. Chi thường xuyên: Đơn vị được sử dụng nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này để chi thường xuyên. Một số nội dung chi được quy định như sau:

a) Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách, tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định, trường hợp không bảo đảm được ngân sách nhà nước bổ sung;

b) Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Đơn vị được quyết định mức chi nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Chi nhiệm vụ không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật hiện hành đối với từng nguồn kinh phí quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

4. Sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên

a) Hàng năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 5% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;
- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 01 tháng tiền lương, tiền công bình quân thực hiện trong năm của đơn vị;
- Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

Trường hợp chênh lệch thu lớn hơn chi bằng hoặc nhỏ hơn một lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ thực hiện trong năm, đơn vị được quyết định mức trích vào các quỹ cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b) Mức trích cụ thể của các quỹ theo quy định tại Điểm a Khoản này và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị. Nội dung chi từ các quỹ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định này.

Mục 6

MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 40. Đối tượng và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh

1. Tất cả cá nhân, tổ chức (kể cả người nước ngoài đang công tác, lao động, học tập, du lịch, quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam) khi sử dụng dịch vụ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập đều phải thanh toán chi phí theo mức giá dịch vụ và số lượng dịch vụ đã sử dụng, trong đó:

a) Người có thẻ bảo hiểm y tế: được Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán chi phí khám, chữa bệnh theo mức quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Trường hợp người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng có sử dụng các dịch vụ khám, chữa bệnh tại khoản 4 Điều 26 Nghị định này thì phần chênh lệch giữa chi phí khám bệnh, chữa bệnh tính theo mức giá quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này và mức thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế do người bệnh thanh toán cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b) Người không có thẻ bảo hiểm y tế: Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, trừ các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này.

c) Người nước ngoài là công dân của nước có ký kết Điều ước Quốc tế về khám, chữa bệnh với Việt Nam thì chi phí khám, chữa bệnh sẽ được áp dụng theo các quy định của Điều ước Quốc tế đó.

2. Các đối tượng sau được nhà nước thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập:

a) Người bị bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 66 của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

b) Người bị bệnh phong và người bị một số bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền (trừ các dịch vụ khám, chữa bệnh thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế).

c) Người bệnh trong các trường hợp thiên tai, thảm họa lớn theo quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương khi điều trị tại cơ sở khám bệnh,

chữa bệnh thuộc trung ương quản lý; của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do địa phương quản lý.

Điều 41. Tự chủ trong giao dịch tài chính

1. Nguồn thu từ các dịch vụ y tế và các dịch vụ khác theo quy định tại Nghị định này được để lại toàn bộ cho đơn vị sử dụng và không phản ánh vào ngân sách nhà nước.

2. Mở tài khoản giao dịch

a) Các đơn vị được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi từ nguồn thu của các hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị.

b) Các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh.

3. Các đơn vị phải sử dụng hóa đơn, biên lai theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 42. Nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy chế chi tiêu nội bộ

1. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo đúng các quy định hiện hành.

2. Đối với cơ sở hạch toán độc lập thuộc đơn vị sự nghiệp y tế công lập đáp ứng các điều kiện, tiêu chí, quy mô theo quy định của Chính phủ về chính sách khuyến khích đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa: Được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực y tế.

3. Đơn vị có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, gửi cơ quan quản lý cấp trên. Trường hợp có quy định không phù hợp với quy định của pháp luật, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quy chế, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị điều chỉnh lại cho phù hợp. Sau thời hạn nêu trên, nếu cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, đơn vị triển khai thực hiện quy chế, đồng thời gửi cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

Điều 43. Lập dự toán

1. Đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2

a) Hàng năm căn cứ vào kết quả thực hiện về số lượng, khối lượng dịch vụ; tình hình thu, chi hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và các dịch vụ khác của năm hiện hành; yêu cầu nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ và dự toán thu, chi báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;

b) Đối với dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng: Hàng năm căn cứ đơn giá, số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công được đặt hàng theo hướng dẫn của Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị lập dự toán gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

2. Đơn vị thuộc nhóm 3: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ của năm kế hoạch, đơn vị lập kế hoạch về số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công và dự toán thu, chi (bao gồm cả phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí) báo cáo cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

3. Đơn vị thuộc nhóm 4: Căn cứ tình hình thực hiện năm hiện hành, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chế độ chi tiêu hiện hành, đơn vị lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

5. Dự toán thu, chi phí theo pháp luật về phí, lệ phí, các nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Hàng năm, căn cứ vào dự toán thu, chi do đơn vị sự nghiệp công xây dựng, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, tổng hợp dự toán thu, chi của các đơn vị gửi cơ quan tài chính và cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật.

Điều 44. Phân bổ và giao dự toán

1. Việc phân bổ và giao dự toán của cơ quan quản lý cấp trên cho đơn vị sự nghiệp công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công.

2. Căn cứ quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định này, cơ quan quản lý cấp trên thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc giao kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị thuộc nhóm 3 (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí).

3. Đối với đơn vị thuộc nhóm 4 (không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): Cơ quan quản lý cấp trên thực hiện giao dự toán ổn định trong thời gian từ 3 đến 5 năm và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

Điều 45. Quy định về đơn vị sự nghiệp công vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp y tế công thuộc nhóm 1 xây dựng Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, báo cáo các Bộ, cơ quan Trung ương, cơ quan thuộc Chính phủ (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với các đơn vị thuộc địa phương quản lý) để phê duyệt.

Chi phí xây dựng Đề án và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp được ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương xem xét quyết định đơn vị sự nghiệp công trực thuộc được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan cấp dưới theo phân cấp) xem xét quyết định đơn vị sự nghiệp công trực thuộc được vận

dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp, sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài chính địa phương.

3. Nội dung được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

- a) Được xác định vốn điều lệ và bảo toàn vốn;
- b) Được vay vốn, huy động vốn, đầu tư vốn ra ngoài đơn vị theo quy định của pháp luật;
- c) Quản lý, sử dụng, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp;
- d) Quản lý doanh thu, chi phí và phân phối lợi nhuận; thực hiện chế độ kế toán, thống kê áp dụng như doanh nghiệp.

Chương VI
TỰ CHỦ VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
VÀ XÃ HỘI HÓA, HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ

Điều 46. Về quản lý, sử dụng tài sản công

1. Các đơn vị có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.
2. Các đơn vị có trách nhiệm bố trí kinh phí và thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật theo quy định để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và chất lượng dịch vụ.
3. Áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng:
 - a) Đơn vị thuộc nhóm 1: do giám đốc đơn vị hoặc Hội đồng quản lý đối với đơn vị có thành lập Hội đồng quản lý quyết định;
 - b) Đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 4: thực hiện theo phân cấp của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý; của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý.

Điều 47. Vay vốn đầu tư công trình hạ tầng, trang thiết bị

1. Các đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 được vay vốn Ngân hàng phát triển Việt Nam, ngân hàng thương mại, vốn ODA, vốn kích cầu, vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư của địa phương trong các trường hợp sau:
 - a) Đầu tư công trình hạ tầng, trang thiết bị trong trường hợp tài sản nhà nước giao cho đơn vị quản lý, sử dụng chưa đáp ứng các hoạt động chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao;
 - b) Đầu tư công trình hạ tầng, trang thiết bị để triển khai các hoạt động kinh doanh dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội, các dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định này;
 - c) Góp vốn liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư để nâng cấp, cải tạo mở rộng hoặc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng mới trên đất của đơn vị được giao quản lý.
2. Thẩm quyền quyết định việc vay vốn đầu tư:

a) Đơn vị thuộc nhóm 1: đơn vị có thành lập Hội đồng quản lý do giám đốc đơn vị quyết định sau khi có Nghị quyết của Hội đồng quản lý; đơn vị không thành lập Hội đồng quản lý do giám đốc đơn vị quyết định trên cơ sở Nghị quyết giữa Ban giám đốc và Đảng ủy đơn vị;

b) Đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3: đơn vị phải xây dựng phương án vay và trả nợ vốn vay, dự án đầu tư từ nguồn vốn vay báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Các đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc trả gốc vay, lãi vay và hiệu quả sử dụng vốn vay.

3. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ưu tiên nguồn vốn kích cầu, vốn từ quỹ hỗ trợ đầu tư của địa phương cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực y tế - dân số. Các ngân hàng thương mại xây dựng và triển khai các chương trình và có cơ chế ưu đãi về lãi suất để khuyến khích các tổ chức, cá nhân vay vốn đầu tư vào lĩnh vực y tế - dân số, vào khu vực cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu, chất lượng cao.

4. Chi phí khấu hao và chi phí chi trả lãi vay được tính vào giá các dịch vụ sử dụng nguồn vốn vay theo nguyên tắc:

a) Đối với các tài sản sử dụng cho cả hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao và hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội: Trường hợp giá dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chưa tính khấu hao thì phân bổ chi phí khấu hao và lãi tiền vay vào giá của các dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội;

b) Đối với các công trình hạ tầng sử dụng một phần vốn ngân sách, một phần vốn vay để đầu tư: đơn vị được sử dụng phần diện tích tương đương với tỷ lệ vốn vay để làm khu khám, chữa bệnh theo yêu cầu, chất lượng cao; giá dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu, chất lượng cao được tính đủ khấu hao và chi phí chi trả lãi vay để trả nợ gốc và lãi vay.

Điều 48. Thuê tài sản; đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ

1. Các đơn vị được thuê tài sản; đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ để phục vụ hoạt động của đơn vị trong các trường hợp sau:

a) Các tài sản xác định thuê, đấu thầu nhà cung cấp dịch vụ có hiệu quả hơn đầu tư, mua sắm;

b) Tài sản được giao, được đầu tư, trang bị không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, định mức để đơn vị hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Tổ chức các hoạt động kinh doanh, cung ứng các dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội, các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp thuê tài sản: đơn vị lập hồ sơ thuê tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

a) Đối với đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2: do đơn vị quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật;

b) Đơn vị thuộc nhóm 3, nhóm 4: do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định việc thuê tài sản quyết định.

3. Các đơn vị có trách nhiệm:

a) Xây dựng giá thuê, giá cung cấp dịch vụ tối đa phù hợp với tiêu chuẩn, chất lượng của dịch vụ và tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cho thuê tài sản, đơn vị cung cấp các dịch vụ chiếu, chụp, xét nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Bố trí kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ hoặc sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi trả chi phí thuê tài sản; kinh phí chi thường xuyên để chi trả chi phí cho các đơn vị cung cấp dịch vụ. Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước thì phải có trong dự toán ngân sách được giao.

4. Bộ Y tế thống nhất với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện điều này.

Điều 49. Đơn vị trúng thầu vật tư, hóa chất đặt trang thiết bị

1. Các đơn vị được sử dụng trang thiết bị do đơn vị trúng thầu vật tư, hóa chất đặt khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Trang thiết bị phải đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định để thực hiện dịch vụ;

b) Giá vật tư, hóa chất theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Số lượng vật tư, hóa chất theo nhu cầu sử dụng của đơn vị và phải được quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc theo số lượng đăng ký đối với các vật tư, hóa chất đấu thầu tập trung; không được quy định về số lượng dịch vụ phải sử dụng hoặc số lượng vật tư, hóa chất phải tiêu thụ;

2. Giá các dịch vụ kỹ thuật từ các trang thiết bị do đơn vị trúng thầu vật tư, hóa chất đặt thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 50. Liên doanh, liên kết trang thiết bị tại đơn vị sự nghiệp công

1. Điều kiện để liên doanh, liên kết theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này.

2. Đơn vị phải xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết; trong đó phải xác định rõ các tài sản của đơn vị như cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị tham gia vào Đề án.

3. Đề án phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Căn cứ đề án được duyệt, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công quyết định cụ thể việc sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết.

4. Lựa chọn đối tác để thực hiện liên doanh, liên kết phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

5. Bộ Y tế thống nhất với Bộ Tài chính để hướng dẫn thực hiện điều này.

Điều 51. Liên doanh, liên kết đầu tư công trình hạ tầng trên đất của đơn vị sự nghiệp công

1. Điều kiện để liên doanh, liên kết đầu tư công trình hạ tầng theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này.

2. Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển của đơn vị đã được phê duyệt. Đất vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị sự nghiệp công.

3. Tài sản tham gia liên doanh, liên kết của đơn vị gồm:

a) Quyền sử dụng đất, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất. Việc xác định giá trị quyền sử dụng đất, công trình sự nghiệp và các tài sản khác gắn liền với đất để liên doanh, liên kết thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị;

c) Vốn vay theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này.

d) Giá trị thương hiệu của đơn vị: đơn vị và các bên tham gia phải thỏa thuận việc xác định giá trị thương hiệu của đơn vị để góp vốn liên doanh, liên kết theo tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan. Tỷ lệ vốn góp bằng giá trị thương hiệu của đơn vị trong tổng giá trị liên doanh, liên kết ban đầu được ổn định trong suốt quá trình hoạt động của liên doanh, liên kết, kể cả trong trường hợp mở rộng quy mô hoặc tăng vốn hoạt động của cơ sở liên doanh, liên kết.

4. Thời gian liên doanh, liên kết được xác định trên cơ sở thời gian hoàn vốn của nhà đầu tư theo hợp đồng. Hết thời hạn liên doanh, liên kết theo hợp đồng đã ký, các bên tham gia liên doanh, liên kết bàn giao tài sản trên đất cho đơn vị sự nghiệp công.

Điều 52: Hình thức liên doanh, liên kết

Việc liên doanh, liên kết quy định tại Điều 50, Điều 51 Nghị định này được tổ chức theo một trong các hình thức sau:

1. Trường hợp liên doanh, liên kết không hình thành pháp nhân mới. Đơn vị cùng các bên tham gia liên doanh, liên kết tổ chức theo dõi, hạch toán riêng doanh thu, chi phí; phân chia thu nhập, lãi của hoạt động theo từng đề án, hợp đồng liên doanh, liên kết căn cứ vào tỷ lệ vốn góp, mức độ đóng góp của các bên trong quá trình hoạt động dịch vụ, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia và đối tượng sử dụng dịch vụ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của đơn vị sự nghiệp công.

2. Trường hợp góp vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với đơn vị sự nghiệp công lập khác để thành lập đơn vị sự nghiệp: đơn vị sự nghiệp này phải là đơn vị nhóm 1 thuộc đơn vị sự nghiệp công có cơ sở hạ tầng, được thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định này.

3. Trường hợp liên doanh, liên kết với các đơn vị, tổ chức không là đơn vị sự nghiệp công theo hình thức thành lập pháp nhân mới.

a) Đơn vị và bên tham gia phải xây dựng đề án thành lập pháp nhân mới, trong đó nêu rõ loại hình, phương thức tổ chức hoạt động của pháp nhân mới.

Trong đề án phải nêu rõ phần vốn góp của đơn vị, tổ chức bộ máy và hoạt động của pháp nhân mới.

- Trường hợp thành lập pháp nhân mới là đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên và chi đầu tư, hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Các bên tham gia được cử đại diện vào bộ máy quản lý của pháp nhân mới.

- Trường hợp pháp nhân mới là doanh nghiệp và hoạt động theo luật doanh nghiệp. Căn cứ tỷ lệ vốn góp, thành viên tham gia góp vốn theo quy định của Luật doanh nghiệp để thành lập và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của đơn vị sự nghiệp công.

- Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: chỉ được thành lập pháp nhân mới trong trường hợp liên doanh, liên kết đầu tư công trình hạ tầng để thành lập cơ sở khám, chữa bệnh mới để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội, cung ứng các dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước.

b) Đối với các đơn vị thuộc nhóm 1: do đơn vị và các bên tham gia thống nhất quyết định việc thành lập. Đối với các đơn vị thuộc nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 4 do cơ quan có thẩm quyền quyết định việc thành lập pháp nhân mới.

c) Các đơn vị được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa nếu thuộc danh mục các loại hình, đáp ứng các tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 53. Nhà đầu tư xây dựng công trình hạ tầng trên đất của đơn vị, đơn vị ký hợp đồng thuê và hàng năm trả cho nhà đầu tư một khoản kinh phí nhất định theo hợp đồng thuê công trình hạ tầng

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư phải công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết.

2. Thời gian thuê công trình hạ tầng được xác định trên cơ sở cân bằng lợi ích giữa đơn vị sự nghiệp và nhà đầu tư. Được phê duyệt trong báo cáo nghiên cứu khả thi, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

3. Nguồn kinh phí để chi trả tiền thuê từ nguồn thu của các dịch vụ sử dụng công trình hạ tầng, từ nguồn kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

4. Giá trị công trình hạ tầng làm cơ sở để xác định thời gian thuê và mức giá thuê hàng năm thực hiện theo quy định về quyết toán công trình dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

5. Quyền sử dụng đất vẫn thuộc đơn vị sự nghiệp công, đơn vị không phải làm các thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất. Hết thời hạn thuê, nhà đầu tư chuyển giao công trình hạ tầng cho đơn vị sự nghiệp công.

Điều 54. Liên doanh, liên kết ngoài đơn vị sự nghiệp công

1. Đơn vị sự nghiệp công lập được cơ quan có thẩm quyền phân loại là đơn vị nhóm 1, nhóm 2 được liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để đầu tư các cơ sở y tế ngoài đơn vị theo quy định sau:

a) Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ nhà nước giao: đơn vị phải hoàn thành các kế hoạch, nhiệm vụ, đơn đặt hàng do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước giao, đặt hàng hoặc các hợp đồng trúng thầu cung cấp dịch vụ công.

b) Trường hợp có sử dụng tài sản của đơn vị để tham gia liên doanh, liên kết thì phải xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Trường hợp vay vốn ngân hàng thương mại để góp vốn phải có văn bản của ngân hàng thương mại chấp thuận về nguyên tắc cho vay; trường hợp sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị thì phải có Nghị quyết của Ban giám đốc, Đảng ủy và Tổ chức công đoàn của đơn vị.

d) Cơ sở liên doanh, liên kết được sử dụng thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công trong thời gian liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 51 Nghị định này.

đ) Trường hợp cử nhân lực của đơn vị tham gia quản lý, vận hành và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật y tế tại cơ sở y tế liên doanh, liên kết thì phải xây dựng phương án bảo đảm nhân lực cho hoạt động bình thường của đơn vị và cơ sở liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị phải xây dựng Đề án trong đó nêu rõ phần vốn góp của đơn vị, phương án cử nhân lực của đơn vị tham gia, phân chia thu nhập báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Hết thời hạn liên doanh, liên kết, hợp tác thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh này hoạt động như các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc xây dựng đề án, thẩm quyền quyết định, phương thức tổ chức thực hiện.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 55. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào các quy định tại Nghị định này để hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc thẩm quyền quản lý. Trong trường hợp cần thiết, có nội dung hướng dẫn khác với quy định tại Nghị định này theo yêu cầu đặc thù nhiệm vụ quân sự - quốc phòng - an ninh của lực lượng vũ trang thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tăng chi ngân sách địa phương cho y tế theo quy định tại Nghị quyết số

18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban chấp hành Trung ương khóa XII: bảo đảm tốc độ tăng chi ngân sách y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách Nhà nước; dành tối thiểu 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng; ưu tiên ngân sách cho y tế cơ sở; bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ luân phiên người hành nghề theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh; ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ, tạo điều kiện về nhà ở và làm việc để thu hút cán bộ y tế, đặc biệt là các bác sỹ, dược sỹ mới ra trường về công tác tại các đơn vị y tế công lập thuộc địa phương quản lý.

Điều 56. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung đó.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế Nghị định số 85/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Điều 58. Điều khoản thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này; chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị sự nghiệp y tế công lập thuộc phạm vi quản lý trong việc chấp hành các quy định tại Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).KN.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc